**B.5. Các chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường, xã hội của**

**doanh nghiệp sinh thái**

*(khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)*

| **TT** | **Chỉ số** | **Nội dung** | **Đối tượng áp dụng** | **Yêu cầu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÔI TRƯỜNG** | | | | |
| 1 | Áp dụng giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP)  (ENV.2) | Tỉ lệ phần trăm (%) các doanh nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn. | Doanh nghiệp | Chỉ số bắt buộc thực hiện.  Phần trăm (%) các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (tối thiểu 20%). |
| **XÃ HỘI** | | | | |
| 2 | Quy định về tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động (SOC.1) | Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động có các quy định về việc tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người lao động. | Doanh nghiệp | Chỉ số khuyến khích thực hiện.  Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động có các quy định về việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động: tối thiểu 75%. |
| 3 | Công khai thông tin và trách nhiệm giải trình (SOC.2) | Tỷ lệ doanh nghiệp công khai thông tin (trên cổng thông tin điện tử, báo chí). | Doanh nghiệp | Chỉ số khuyến khích thực hiện.  Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp công khai thông tin (trên cổng thông tin điện tử, báo chí) đạt tối thiểu 75%. |
| 4 | Bình đẳng giới và dịch vụ xã hội (SOC.4) | Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động thực hiện bình đẳng giới trong an sinh xã hội, an toàn lao động, vệ sinh lao động, tập huấn về áp dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP). | Doanh nghiệp | Chỉ số khuyến khích thực hiện.  Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động thực hiện bình đẳng giới trong an sinh xã hội (có hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội), an toàn lao động, vệ sinh lao động, tập huấn về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn và sử dụng tiết kiệm tài nguyên: tối thiểu đạt 75%. |
| 5 | Phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử (SOC.6) | Doanh nghiệp có các quy định về phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử tại nơi làm việc. | Doanh nghiệp | Chỉ số khuyến khích thực hiện.  Hệ thống phòng ngừa, ứng phó phân biệt đối xử và quấy rối bao gồm các thủ tục khiếu nại và phản hồi, đầu mối liên hệ và nền tảng báo cáo (ví dụ: trên trang web, hộp thư khiếu nại, đường dây nóng, bàn trợ giúp, ...).  Tỷ lệ doanh nghiệp có các quy định về phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử tại nơi làm việc: tối thiểu đạt 75% |